

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 9, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN PHỔ YÊN
Khối kiến thức II: Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị. Nhà nước pháp luật và QLHCNN; Đường lối chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước VN về các lĩnh vực của đời sống xã hội

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
1	Trần Thị Vân Anh	13/12/1990	1	14	7.0	Bảy	
2	Trần Thị Ngọc Anh	18/3/1973	2	01	7.5	Bảy rưỡi	
3	Trần Thị Bích	16/11/1976	3	32	7.0	Bảy	
4	Đinh Văn Bình	01/6/1979	4	45	7.0	Bảy	
5	Nguyễn Thanh Bình	07/11/1988	5	13	8.0	Tám	
6	Ngô Tiến Chúc	18/10/1986	6	70	7.5	Bảy rưỡi	
7	Nguyễn Viết Công	19/01/1978	7	24	7.0	Bảy	
8	Trần Đoàn Cường	01/10/1980	8	63	7.0	Bảy	
9	Vũ Khắc Doanh	01/7/1983	9	68	7.0	Bảy	
10	Tạ Việt Dũng	14/10/1990	10	47	7.5	Bảy rưỡi	
11	Bùi Quý Dương	05/8/1985	11	53	7.0	Bảy	
12	Đặng Thị Thùy Dương	24/02/1982	12	52	8.0	Tám	
13	Lê Thùy Dương	27/5/1983	13	64	7.5	Bảy rưỡi	
14	Dương Thị Đoàn	06/11/1975	14	56	7.5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Thị Hạnh	15/5/1986	15	54	8.0	Tám	
16	Trần Thị Hiền	05/9/1980	16	22	7.5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Văn Hiên	24/6/1979	17	49	7.0	Bảy	
18	Nguyễn Thị Thanh Hoa	12/10/1983	18	50	8.0	Tám	
19	Hà Ngọc Hòa	28/9/1979	19	65	7.0	Bảy	
20	Lê Thị Thanh Hòa	16/11/1988	20	60	7.5	Bảy rưỡi	
21	Lê Xuân Hồng	20/01/1976	21	02	7.0	Bảy	
22	Hoàng Ngọc Huân	20/11/1979	22	43	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
23	Ngô Mạnh Hùng	03/6/1979	23	42	7.0	Bảy	
24	Nguyễn Đức Hùng	28/12/1982	24	40	7.0	Bảy	
25	Ngô Quốc Hưng	24/6/1987	25	66	7.0	Bảy	
26	Lê Thị Việt Hương	04/11/1980	26	19	7.0	Bảy	
27	Lê Thị Hường	20/4/1981	27	05	7.5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Thị Hường (A)	10/5/1979	28	51	7.0	Bảy	
29	Nguyễn Thị Hường (B)	05/8/1974	29	17	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Hường (C)	02/7/1976	30	38	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thị Hường (D)	28/02/1985	31	30	7.0	Bảy	
32	Nguyễn Trường Huy	12/4/1987	32	62	7.0	Bảy	
33	Hoàng Thị Phong Lan	02/4/1984	33	35	7.0	Bảy	
34	Nguyễn Thị Thanh Lan	27/5/1980	34	29	7.0	Bảy	
35	Lê Thị Lan	12/7/1985	35	41	7.0	Bảy	
36	Nguyễn Thị Hồng Liên	25/11/1984	36	16	8.0	Tám	
37	Hoàng Thị Lua	30/5/1981	37	57	7.5	Bảy rưỡi	
38	Lương Văn Luân	08/8/1985	38	33	7.5	Bảy rưỡi	
39	Lưu Thị Lý	03/12/1974	39	26	7.5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Thị Mận	15/02/1979	40	11	8.0	Tám	
41	Trần Thị Hồng Minh	25/7/1989	41	59	7.5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Thị Tuyết Mười	15/10/1977	42	07	8.0	Tám	
43	Nguyễn Huy Nam	19/12/1980	43	12	7.0	Bảy	
44	Nguyễn Thị Nga	02/6/1982	44	28	7.5	Bảy rưỡi	
45	Nguyễn Thị Phú	29/12/1974	45	08	7.5	Bảy rưỡi	
46	Trịnh Văn Quân	03/12/1981	46	23	7.0	Bảy	
47	Đoàn Tiến Quân	31/7/1980	47	04	7.0	Bảy	
48	Nguyễn Hữu Quảng	14/12/1978	48	67	8.0	Tám	
49	Nguyễn Thị Hằng Sa	25/5/1976	49	27	7.0	Bảy	
50	Vũ Văn Sáng	29/9/1975	50	48	8.0	Tám	
51	Phan Thanh Sơn	07/8/1990	51	55	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
52	Đặng Thái Sơn	26/6/1985	52	34	7.0	Bảy	
53	Nguyễn Chí Thanh	08/02/1982	53	31	7.5	Bảy rưỡi	
54	Lê Chí Thành	27/01/1973	54	09	7.5	Bảy rưỡi	
55	Trần Thị Thao	28/3/1979	55	06	7.5	Bảy rưỡi	
56	Trần Thị Phương Thảo	22/02/1989	56	39	7.0	Bảy	
57	Hà Kim Thiệp	15/7/1988	57	21	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Thị Thoa	11/4/1969	58	46	7.0	Bảy	
59	Nguyễn Thị Thủy (A)	22/3/1976	59	20	7.5	Bảy rưỡi	
60	Nguyễn Thị Thủy (B)	18/6/1980	60	25	7.5	Bảy rưỡi	
61	Vũ Văn Tiến	08/8/1979	61	10	7.5	Bảy rưỡi	
62	Hà Đức Tô	21/12/1970	62	15	7.0	Bảy	
63	Đồng Thành Trình	01/01/1981	63	44	7.0	Bảy	
64	Lại Xuân Trường	01/11/1989	64	18	7.5	Bảy rưỡi	
65	Phan Anh Tuấn	22/4/1981	65	03	7.0	Bảy	
66	Lường Công Tuấn	08/11/1992	66	58	7.0	Bảy	
67	Trần Văn Tùng	06/12/1990	67	37	7.5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	01/7/1987	68	36	8.0	Tám	
69	Trịnh Hoàng Vân	01/8/1986	69	69	7.0	Bảy	
70	Đỗ Thị Viện	06/6/1973	70	61	8.0	Tám	

THƯ KÝ



Nguyễn Phúc Ái

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Nhâm